

SỞ Y TẾ THANH HÓA
TT Y TẾ THẠCH THÀNH

Số: 63 /TB-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thạch Thành, ngày 04 tháng 3 năm 2017

THÔNG BÁO

Gía bán và tiêm vắc xin sinh phẩm miễn dịch

Kính gửi: Trưởng trạm y tế các xã, thị trấn, Trưởng phó các khoa phòng.

Căn cứ Thông tư số: 08/2014/TT-BTC ngày 15/1/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí y tế dự phòng và phí kiểm dịch y tế;

Căn cứ Thông tư số: 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ y tế, về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng vắc xin trong tiêm chủng;

Căn cứ Quyết định số 4492/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, về việc ban hành mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà Nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, về việc phê duyệt giá bán vắc xin, sinh phẩm miễn dịch ngoài mục tiêu tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 2146/TYT-KHTC ngày 22/9/2014 của Giám đốc Sở y tế Thanh Hóa về việc mua bán, quản lý sử dụng vắc xin, sinh phẩm ngoài mục tiêu tiêm chủng mở rộng;

Căn cứ công văn số: 343/YTDP ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Giám đốc trung tâm y tế dự phòng tỉnh Thanh Hóa. Về việc thu tiền tiêm vắc xin, huyết thanh miễn dịch ngoài mục tiêu tiêm chủng mở rộng.

Trung tâm y tế Thạch Thành yêu cầu các khoa, phòng, các trạm y tế xã, thị trấn tổ chức thực hiện việc thu phí, lệ phí và hoạt động dịch vụ vắc xin miễn dịch, huyết thanh tại Trung tâm y tế Thạch Thành từ ngày 03/4/2017 (có phụ lục kèm theo).

Để đáp ứng nhu cầu phòng bệnh của nhân dân trên địa bàn huyện, trung tâm y tế Thạch Thành thông báo cho các trạm y tế xã, thị trấn biết mức thu phí, lệ phí tiêm vắc xin và huyết thanh miễn dịch./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HU (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Thường trực UBND huyện (b/c);
- Phòng y tế (b/c);
- Lưu HCTH.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Khanh

Phạm Thị Khanh

GIÁ BÁN VÀ TIÊM VAC XIN SINH PHẨM MIỄN DỊCH

(Kèm theo Thông báo số: **63** /TB-TTYT ngày **04** /4/2017 của Giám đốc Trung tâm y tế Thạch Thành)

TT	Tên vắc xin sinh phẩm	Đơn vị tính	Thạch Thành, ngày tháng 10 năm 2016	Giá thu tại phòng tiêm trung tâm y tế Thạch Thành				
				Khám, tư vấn sức khỏe	Công tiêm	Vận chuyển, hao hụt, bảo quản	BKT, bông cotton, Sổ, phiếu theo dõi	Cộng
1	Antirab II (Phòng dại) 1.000UI/lọ "Nha Trang"	Liều 0,5ml		29.000	10.000	20.400	4.000	403.400
2	Favirab (Huyết thanh khảm dại-Pháp)	5ml		29.000	10.000	33.300	4.000	631.300
3	Verorab (Phòng bệnh dại) loại 1ml/lọ "Pháp"	Liều 0,5ml		29.000	10.000	12.600	4.000	265.600
4	ABHAYRAB (Phòng bệnh dại) Loại 0,5ml/lọ ấn độ	Liều 0,5ml		29.000	10.000	9.900	4.000	217.900
5	IMMUNO HBS 180IU/ml (Huyết thanh phòng viêm gan B)	Liều 0,5ml	1.908.000	29.000	10.000	108.000	4.000	1.951.000
6	Gene-Hbvax (Phòng viêm gan B)	Liều 1ml	100.700	29.000	10.000	5.700	4.000	143.700
		Liều 0,5ml	47.700	29.000	10.000	2.700	4.000	90.700
7	Heberbiovac HB loại 20mcg/liều "Cu ba" (Phòng viêm gan B)	Liều 1ml	84.800	29.000	10.000	4.800	4.000	127.800
		Liều 0,5ml	58.300	29.000	10.000	3.300	4.000	101.300
8	Engerix loại 20mcg/liều "Bỉ" (Phòng viêm gan B)	Liều 1ml	116.600	29.000	10.000	6.600	4.000	159.600
		Liều 0,5ml	74.200	29.000	10.000	4.200	4.000	117.200
Trung	Viêm gan A loại 1ml/lọ "Việt nam" (Phòng viêm gan A)	Liều 0,5ml	106.000	29.000	10.000	6.000	4.000	149.000
10	Viêm não nhật bản loại 5ml/lọ "Việt nam" (Phòng viêm não nhật bản)	Liều 1ml	58.300	29.000	14.000	3.300	5.000	106.300
11	Vắc xin Rubella Loại 0,5ml/liều (Cloatia)	Liều 0,5ml	84.800	29.000	14.000	4.800	5.000	132.800

TT	Tên vắc xin sinh phẩm	Đơn vị tính	Giá bán cho trạm y tế	Giá thu tại phòng tiêm trung tâm y tế Thạch Thành				
				Khám, tư vấn sức khỏe	Công tiêm	Vận chuyển, hao hụt, bảo quản	BKT, bông cồn, Sổ, phiếu theo dõi	Cộng
12	Quimi - HiB loại 0,5ml/lọ "CuBa" (Phòng H.Influenzane typ B)	Liều 0,5ml	212.000	29.000	10.000	12.000	4.000	255.000
13	Infanrix - Hexa loại 0,5ml/lọ "Bi" (BH-HG-UV, BL, VGB, HiB)	Liều 0,5ml	704.900	29.000	10.000	39.900	4.000	747.900
14	PENTAXIM Loại 1 liều/hộp (Pháp) (Phòng BH, UV, GH,BL,HiB)	Hộp	710.200	29.000	10.000	40.200	4.000	753.200
15	MMR II loại 0,5ml/lọ "Mỹ" (Phòng sởi, quai bị, Rubenlla)	Liều 0,5ml	164.300	29.000	14.000	9.300	5.000	212.300
18	Varicella loại 0,5ml/lọ "Hàn Quốc" (Phòng thủy đậu, phỏng dạ)	Liều 0,5ml	535.300	29.000	14.000	30.300	5.000	583.300
19	Varivax (Phòng thủy đậu, phỏng dạ) HQ	Lọ	662.500	29.000	14.000	37.500	5.000	710.500
20	Fluarix loại 0,5ml/lọ "Đức" (Phòng bệnh cúm)	Liều 0,5ml	190.800	29.000	10.000	10.800	4.000	233.800
21	Vaxigrip loại 0,5ml/lọ "Pháp" (Phòng bệnh cúm)	Liều 0,5ml	206.700	29.000	10.000	11.700	4.000	249.700
		Liều 0,25ml	153.700	29.000	10.000	8.700	4.000	196.700
22	Infuavac loại 0,5ml/lọ "Hà Lan" (Phòng bệnh cúm)	Liều 0,5ml	212.000	29.000	10.000	12.000	4.000	255.000
22	GC FLU PFS "Hàn Quốc" (Phòng bệnh cúm)	Liều 0,5ml	190.800	29.000	10.000	10.800	4.000	233.800
23	SAT 1.500UI/ống "Nha Trang" (Phòng uốn ván)	Ống	26.500	29.000	10.000	1.500	9.200	74.700
24	Vắc xin uốn ván hấp thụ AT	Liều	12.720	29.000	10.000	720	4.000	55.720

TT	Tên vắc xin sinh phẩm	Đơn vị tính	Giá bán cho trạm y tế	Giá thu tại phòng tiêm trung tâm y tế Thạch Thành				
				Khám, tư vấn sức khỏe	Công tiêm	Vận chuyển, hao hụt, bảo quản	BKT, bông cotton, Sổ, phiếu theo dõi	Cộng
25	Gadasil "Mỹ" (Phòng ung thư cổ tử cung)	Lọ	1.340.900	29.000	10.000	75.900	4.000	1.383.900
26	Carvarix "Bỉ" (Phòng ung thư cổ tử cung)	Lọ	869.200	29.000	10.000	49.200	4.000	912.200
27	Rotarix "Bỉ" Phòng tiêu chảy do Rota virút	Liều	816.200	29.000	7.000	46.200	2.000	854.200
28	Rota Teq "Mỹ" Phòng tiêu chảy do Rota virút	Liều	567.100	29.000	7.000	32.100	2.000	605.100
29	Rotavin-M1 B (Việt Nam) Phòng tiêu chảy do Rota virút	Liều 2ml	333.900	29.000	7.000	18.900	2.000	371.900
31	PNEUMO Phòng viêm màng não mủ - Viêm phổi do phế cầu	Lọ	349.800	29.000	10.000	19.800	4.000	392.800
32	MENINGO A+C Phòng viêm màng não mủ do mô cầu nhóm A+C	Lọ	148.400	29.000	10.000	8.400	4.000	191.400
33	VA-MENGOC -B+C Phòng viêm màng não mủ do mô cầu nhóm B+C	Liều 0,5ml	164.300	29.000	10.000	9.300	4.000	207.300
34	Synflorix (Phòng các bệnh gây ra bởi phế cầu và ngừa viêm tai giữa cấp tính)	Liều 0,5ml	879.800	29.000	10.000	49.800	4.000	922.800
35	Hoá chất diệt muỗi Mapecmethrin 50EC	100ml	84.800	Giá phun dịch vụ (phun máy) 5.000 đ/m ²				94.800
		1 lít	657.200					667.200
36	Hoá chất diệt muỗi Hantox 200 (Deltamethrin 3%)	100ml	63.600					73.600
		1 lít	503.500					513.500
37	Hoá chất diệt muỗi (Fenco 10sc)	50ml	58.300					68.300
38	Hoá chất diệt muỗi (M.permethrin) lọ 1 lít	100ml	68.900					78.900
		1 lít	551.200					561.200
39	Hoá chất diệt muỗi Hanpet 50EC	100ml	79.500					89.500
		1 lít	583.000					593.000